NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

LỖI GIAO THOA CỦA SINH VIÊN NHẬT KHI HỌC TIẾNG VIỆT TRÌNH ĐỘ CƠ SỞ

BÙI DUY DƯƠNG*

TÓM TẮT: Trong quá trình học tiếng Việt, người nước ngoài không tránh khỏi việc mắc lỗi. Sinh viên Nhật cũng không phải là ngoại lệ. Họ thường mắc lỗi giao thoa hoặc lỗi tự ngữ đích. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày những lỗi giao thoa điển hình của sinh viên Nhật khi mới học tiếng Việt trình độ cơ sở. Đó có thể là những lỗi về từ vựng, lỗi về ngữ pháp... Qua đó, sinh viên Nhật có thể thấy được những điểm cần lưu ý khi mới học tiếng Việt.

TỪ KHÓA: sinh viên Nhật; học tiếng Việt; lỗi giao thoa; lỗi từ vựng; lỗi ngữ pháp.

NHẬN BÀI: 29/6/2022. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 9/8/2022

1. Dẫn nhập

Trong những năm qua, nhờ sự phát triển mạnh mẽ của Việt Nam trong nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... vị thế của tiếng Việt ngày càng được nâng cao trên toàn thế giới. Vì thế, nhu cầu học tiếng Việt của người nước ngoài cũng ngày càng tăng. Tiếng Việt đã trở thành cầu nối quan trọng giữa Việt Nam và thế giới, đồng thời nó cũng trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều người nước ngoài. Trong quá trình học tập và nghiên cứu tiếng Việt, người nước ngoài không tránh khỏi việc mắc lỗi. Đó là điều hiển nhiên. Gần đây, nhiều công trình nghiên cứu, bài báo liên quan đến lỗi của người nước ngoài khi học tiếng Việt đã được công bố. Lỗi thường được quan niệm dựa vào cuốn "Từ điển ngôn ngữ học ứng dụng và dạy tiếng", như sau: "*Lỗi của người học (trong khi nói hoặc viết một ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ) là hiện tượng sử dụng một đơn vị ngôn ngữ (chẳng hạn một từ, một đơn vị ngữ pháp, một hoạt động nói năng,...) bằng cách mà người bản ngữ hoặc người giỏi thứ tiếng đó cho là sai hoặc cho là chưa đầy đủ.*" [dẫn theo Phan Thanh Tâm, 2017, tr.520].

Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu thường chỉ ra có hai loại lỗi chính: lỗi giao thoa và lỗi tự ngữ đích. Lỗi giao thoa được hiểu ở đây *"là những lỗi sinh ra do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ của người học lên sản phẩm ngôn ngữ đích của người học, nhất là những khu vực mà hai ngôn ngữ khác nhau nhiều",* còn *"lỗi tự ngữ đích là những lỗi sinh ra do những nguyên nhân trong nội bộ cấu trúc của ngôn ngữ đích"* [Nguyễn Thiện Nam, 2001, tr.35]. Cụ thể hơn, theo Từ điển ngôn ngữ và khoa học (Dictionnaire de linguistique et de sciences du langage) thì giao thoa là một hiện tượng diễn ra *khi "một chủ thể ngôn ngữ sử dụng trong ngôn ngữ A một đặc điểm ngữ âm, hình thái, từ vựng hoặc cú pháp của ngôn ngữ B."*. Xét ở góc độ tâm lí học, Debyser cho rằng giao thoa là *"hệ quả tiêu cực có thể có từ một thói quen tác động lên một thói quen khác."*. Xét ở góc độ giáo học pháp, *"giao thoa là một loại lỗi đặc biệt mà học sinh mắc phải khi học một ngoại ngữ, dưới tác động của thói quen hay các cấu trúc của tiếng mẹ đẻ"*. Nói một cách cụ thể hơn thì theo Castellotti đó là *"hiện tượng mượn hình thức của ngôn ngữ này để diễn đạt sang ngôn ngữ khác."*. V. Castellotti thấy rằng, khái niệm giao thoa (interference) được sử dụng rộng rãi trong các phân tích đối chiếu ngôn ngữ để chỉ những ảnh hưởng của L1 (tiếng mẹ đẻ) lên L2 (tiếng nước ngoài) và được coi là một hiện tượng mang tính cá nhân và tiêu cực vì theo ông, L1 cản trở việc tiếp cận L2. [dẫn theo Đỗ Lan Anh, 2016, tr.77].

Khi bàn về lỗi, có thể thấy, lỗi thường được nghiên cứu trong lĩnh vực giáo học pháp. Trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ, lỗi đóng một vai trò quan trọng vì lỗi chính là những phản hồi khách quan nhất từ phía người học, qua đó, người dạy biết được các phương pháp và kĩ thuật giảng dạy mà người dạy đã và đang áp dụng hiệu quả đến đâu và cần có những điều chỉnh phù hợp nhằm đáp ứng được những mục tiêu giảng dạy và học tập đã đề ra. Hay như Corder đã từng nhấn mạnh vai trò của lỗi:

* *TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;*
Email: buiduyduongvsl@gmail.com

"*Lỗi cung cấp cho các nhà nghiên cứu những bằng chứng về quá trình thụ đắc ngôn ngữ, cung cấp cho người học những chiến lược học ngoại ngữ để khám phá ngôn ngữ đích*" [S.P. Corder, 1967, tr.163]. Chính vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu những lỗi giao thoa ngôn ngữ mà sinh viên Nhật thường mắc phải khi mới bắt đầu học tiếng Việt.

2. Một số lỗi từ vựng điển hình

Tiếng Việt và tiếng Nhật đều có những ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa chữ Hán. Trong kho tàng từ vựng tiếng Việt, có khoảng trên 60% là những từ ngữ gốc Hán. Tương tự, trong tiếng Nhật hiện nay vẫn còn tồn tại khá nhiều từ gốc Hán. Điều này, giúp cho sinh viên Nhật khi mới học tiếng Việt có nhiều thuận lợi, đặc biệt khi gặp những từ Hán Việt và Hán Nhật giống nhau cả về hình thức lẫn ý nghĩa. Ví dụ: 世界 *thế giới*, 文化 *văn hóa*, 政治 *chính trị*, 関心 *quan tâm*. Tuy nhiên, sự thuận lợi này đồng thời cũng là một khó khăn đối với người Nhật khi mới học tiếng Việt. Bởi vì, trong nhiều trường hợp nếu sử dụng nguyên nghĩa Hán-Việt hoặc Hán-Nhật thì không phù hợp do sắc thái nghĩa khác nhau hoặc ý nghĩa đã thay đổi. Trong tiếng Việt hiện nay, một số từ Hán Việt đã trở thành từ cổ, không còn được sử dụng trong tiếng Việt hàng ngày nữa hoặc đã có những biến đổi nhất định về mặt sắc thái sử dụng. Trái lại, do tiếng Nhật vẫn tiếp tục sử dụng hệ thống chữ Kanji nên nhiều từ Hán Nhật vẫn được sử dụng với ý nghĩa và sắc thái như ban đầu. Ví dụ:

Khi mới học tiếng Việt, sinh viên Nhật thường được dạy ngữ đoạn như "khi còn trẻ" hay "thời tuổi trẻ" nhưng họ thường dịch là *"thanh xuân thời đại"* (青春時代). Cách nói này trở nên khó hiểu với người Việt hiện nay hoặc có thể hiểu được nhưng đây là cách nói hơi cổ.

Hay như *"điều tra"* (調査) tiếng Nhật có nghĩa là "điều tra, thám hiểm, thăm dò, nghiên cứu, khảo sát", nhưng trong tiếng Việt "điều tra" có nghĩa là "tìm hiểu, xét hỏi để biết rõ sự thật", (điều tra tội phạm...). Rõ ràng là sắc thái nghĩa của các từ nói trên là khác nhau.

Người Nhật khi được dạy về từ *"mặc cả", "trả giá"* (tiếng Việt) trong thực hành mua bán, nhưng họ thường viết hoặc nói là *"giao thiệp giá tiền"* (値段の交渉をする) ý nói là "thương lượng" hoặc "cò kè trả giá tiền". Nếu nói như vậy thì là sai vì trong tiếng Việt hiện nay *"giao thiệp"* có nghĩa là "giao tiếp quan hệ xã hội với người nào đó". Như vậy, có thể thấy việc lựa chọn đúng từ ngữ đúng ngữ cảnh và sắc thái là rất quan trọng.

Đặc biệt hơn, một số lỗi sai về từ vựng trong khi học tiếng Việt là do tư duy ngôn ngữ của mỗi học viên khác nhau. Một số học viên mới học tiếng Việt vì thấy có nhiều từ Hán Việt và Hán Nhật tương đương mà họ nghĩ có thể ghép các đơn vị từ ngữ đó lại với nhau. Có thể nói, người học đã sáng tạo ra những từ ngữ mới mà không tìm thấy được trong Từ điển tiếng Việt. Ví dụ: khi được học về các loại quả, có một quả đặc trưng trong miền Nam là *"khổ qua"*. Sinh viên Nhật thường dịch ra là *"dưa khổ"* vì trong tiếng Nhật có từ "Nigauri" (苦瓜: *khổ qua*; quả dưa đắng" với cách hiểu trong tiếng Nhật: "uri" (瓜)| là "quả dưa" và "Nigai" (苦い) có nghĩa là "đắng". Vì vậy, sinh viên nghĩ rằng có thể nói "dưa khổ" là người Việt Nam có thể hiểu được.

Một trường hợp khác là sinh viên Nhật mới học tiếng Việt thì thường trực dịch những từ ngữ tiếng Nhật (ngôn ngữ mẹ đẻ) sang tiếng Việt mà không chú ý đến hoàn cảnh cũng như sắc thái. Lỗi này xảy ra cũng một phần do người học chưa học được nhiều từ ngữ tiếng Việt để diễn đạt đúng điều mình muốn nói. Ví dụ:

- Trong tiếng Nhật, trợ từ de (で) được dùng để chỉ phương tiện "bằng" vật gì, sinh viên Nhật mắc lỗi khi nói: *bằng thìa và đũa để ăn phở* (フォーを食べるためにスプーンと箸で). Đúng ra, sinh viên cần nói: "dùng thìa và đũa để ăn phở".

- Gần đây, Việt Nam lần đầu tiên đưa vào sử dụng tàu điện trên cao. Đây là một phương tiện giao thông mới ở Việt Nam và được người nước ngoài rất quan tâm. Sinh viên Nhật thường nói: *"tàu điện*

trên cao có thể chuyển đa số người một lần" (スカイトレイン は一度に多数の人を運ぶことができる). Sở dĩ người học dùng "chuyển", "đa số" và "một lần" là do tư duy bằng các từ ngữ tiếng Nhật tương đương là: hakobu (運ぶ): chuyển, tasuu (多数): đa số và ichido (一度): một lần. Giáo viên thường sửa lại cho người học dùng những từ thuần Việt như: *nhiều, cùng một lúc*. Khi đó, câu đúng là: *"Tàu điện trên cao có thể chở nhiều người cùng một lúc"*.

3. Một số lỗi ngữ pháp điển hình

3.1. Lỗi sai do ảnh hưởng ngữ pháp của tiếng Nhật

Một lỗi ngữ pháp khá phổ biến của sinh viên Nhật khi mới học tiếng Việt là thiếu bổ ngữ của động từ. Bởi lẽ, câu trong tiếng Nhật không đòi hỏi chặt chẽ về bổ ngữ như trong tiếng Việt. Ví dụ:

- *Con mèo đó đáng yêu và em ấy yêu thương.* (あの猫はとてもかわいい、彼女は愛している)

Câu trên ở mệnh đề thứ 2 trong tiếng Nhật thì không cần nhắc lại bổ ngữ vì "con mèo" đã được nhắc đến ở mệnh đề đầu tiên. Sinh viên Nhật đã sử dụng nguyên cấu trúc trong tiếng mẹ đẻ và trực dịch sang tiếng Việt nên tạo ra câu sai. Câu đúng cần đầy đủ bổ ngữ, phải viết là: *"Con mèo đó đáng yêu và em ấy yêu thương nó"*.

Khi mới học tiếng Việt, sinh viên Nhật cũng chưa phân biệt được khi nào sử dụng thể chủ động – bị động trong tiếng Việt. Đây cũng là điều dễ hiểu. Bởi vì, đối với sinh viên mới bắt đầu học tiếng Việt, người dạy cũng chưa giới thiệu sâu vào cách sử dụng thể chủ động - bị động trong tiếng Việt. Do đó, sinh viên vẫn thường bị ảnh hưởng cấu trúc đó trong tiếng mẹ đẻ và tạo ra những lỗi giao thoa khi mới học tiếng Việt. Ví dụ:

Tại sao sự khác nhau như thế này bị xảy ra? (なぜこのような違いが起こったのか)}

Câu trên cần phải sửa lại thành câu ở thể chủ động là: *"Tại sao sự khác nhau như thế này lại xảy ra?"*.

Ngược lại, trong ví dụ sau, sinh viên lại sử dụng sai thể chủ động. Trước tình trạng tắc đường của Việt Nam, sinh viên muốn nói nguyên nhân là do đường phố chật hẹp. Nhưng do dịch câu từ tiếng Nhật sang, sinh viên lại truyền tải nội dung với ý nghĩa ngược lại :

Tắc đường gây ra lí do như sau. Đường phố chật quá.

(渋滞は次の理由で発生した。道路がとても狭く)

Nguyên văn cách viết trên của người học thì *"tắc đường*" làm cho *"đường phố"* trở nên "chật" chứ không phải do *"đường phố chật vào giờ cao điểm"* mà làm *"tắc đường"*. Đáng ra, sinh viên phải viết thể bị động là: *"Tắc đường bị gây ra bởi lí do như sau. Đường phố chật quá."*.

3.2. Lỗi sử dụng sai một số từ mang nhiều ý nghĩa ngữ pháp

3.2.1. Lỗi dùng "đó"

Lỗi này là lỗi giao thoa điển hình của sinh viên Nhật khi mới học tiếng Việt. Sinh viên đã đồng nhất ý nghĩa và áp dụng cách dùng của chỉ định từ *sore* trong tiếng Nhật với *đó* của tiếng Việt, do chưa nắm rõ điểm giống và khác nhau giữa *đó* và *sore/ sono*. Đây là lỗi do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ là tiếng Nhật.

Khi mới học tiếng Việt, sinh viên sẽ được dạy cấu trúc câu: "*Đó là* + danh từ*"*, ví dụ: *Đó là quyển sách; Đó là cái nhà; Đó là mẹ tôi*... Trong những câu trên, *đó* làm chủ ngữ, từ đó, tạo ấn tượng cho sinh viên đó có cách dùng giống *sore* trong tiếng Nhật. Về sau, sinh viên trực dịch từ sore trong tiếng mẹ đẻ (tiếng Nhật) thành từ đó để tạo ra những câu sai như sau:

(1) *Tôi muốn mua đó.* (2) *Đó rất ngon.* (3) *Tôi muốn đi đó.*

Những câu trên sai vì sinh viên đã cung cấp thêm cho *đó* những vai trò ngữ pháp khác mà trong tiếng Việt không có. Tiếng Việt thì không thể dùng *đó* làm bổ ngữ như ở câu (1) mà phải dùng nó giống như một tính từ làm định ngữ trong kết hợp gồm "danh từ + *đó"*, tức là phải để nó sau một danh từ (ví dụ: *đồng hồ*) hoặc loại từ (ví dụ: *cái*). Ở câu (2) cũng vậy, không thể dùng *đó* làm chủ ngữ

trong câu có tính từ làm vị ngữ được mà cũng phải để nó sau một danh từ (ví dụ: *món ăn*). Tương tự, trong câu (3) cũng không thể nói "đi *đó*" mà cũng cần phải có một danh từ đi trước (ví dụ: *chợ, nơi*).

Đó trong ba câu trên giống với cách dùng chỉ định từ *sono* trong tiếng Nhật. Tuy nhiên theo trật tự tiếng Nhật thì *sono* phải để trước danh từ, trong khi đó ở tiếng Việt *đó* thì phải để sau danh từ. Như vậy *đó* trong tiếng Việt tương ứng với chỉ định từ *sore* và đồng thời cũng tương ứng với chỉ định từ *sono* trong tiếng Nhật. Có vẻ như sự tương đồng này khá lớn, cụ thể là ở trường hợp đầu, khi đóng vai trò chủ ngữ, *sore* tiếng Nhật và *đó* tiếng Việt tương đồng hoàn toàn. Nhưng ở trường hợp thứ hai, khi đóng vai trò bổ ngữ, ở hai ngôn ngữ nảy sinh cái khác biệt là ở mặt sử dụng. Tiếng Nhật cho phép sử dụng trực tiếp chỉ định từ *sore* để làm bổ ngữ, còn tiếng Việt không thế, tức là không cho phép sử dụng trực tiếp đại từ làm bổ ngữ, mà thay vào đó là phải sử dụng ngữ đoạn kết hợp danh từ + từ chỉ định *đó*. Sự khác biệt này là nguyên nhân gây ra lỗi như miêu tả trên. Như vậy, sinh viên Nhật mới học tiếng Việt, do chưa nắm rõ cách dùng *đó* trong tiếng Việt nên đã áp dụng cách dùng chỉ định từ tương ứng của tiếng mẹ đẻ để tạo câu tiếng Việt.

3.2.2. Lỗi dùng "của"

Khi mới học tiếng Việt, sinh viên cũng sớm được dạy từ *của* với nghĩa chỉ quan hệ sở hữu, ví dụ:

- Cái ô tô của tôi màu đen.

- Cái ti vi của tôi rất mới.

Trong những trường hợp như trên, sinh viên thường dịch từ *của* tương đương với từ *no* trong tiếng Nhật. Từ đó, hình thành nên suy nghĩ từ "của" tương đồng mọi ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp với từ *no*. Điều này hoàn toàn sai. Từ *no* có nhiều cách sử dụng khác với từ *của*, chỉ có nét nghĩa chỉ quan hệ sở hữu là tương đương với tiếng Việt. Cũng vì suy nghĩ trên mà sinh viên Nhật đã mắc nhiều lỗi sai khi sử dụng từ "của". Ví dụ:

Sai	Đúng
1. Suy nghĩ của áo dài Việt Nam.	*1. Suy nghĩ về áo dài Việt Nam.*
2. Tôi xem chương trình tivi của hai bạn người Việt ở Nhật.	*2. Tôi xem chương trình tivi về hai bạn người Việt ở Nhật.*
3. Bài đọc cho thấy sự khác nhau của môi trường ở Việt Nam và Nhật Bản.	*3. Bài đọc cho thấy sự khác nhau về môi trường ở Việt Nam và Nhật Bản.*

Như trên đã nói, *của* trong tiếng Việt dùng để chỉ quan hệ sở hữu. Các trường hợp trên đều dùng sai *của* vì trong các trường hợp trên không tồn tại mối quan hệ sở hữu nào giữa hai vế nên không thể dùng *của* để diễn đạt mà phải dùng hư từ *về* để thuyết minh, giải thích nội dung cho danh từ đi trước. Có lẽ đây là lỗi do ảnh hưởng cách dùng *no* trong tiếng Nhật vì *no* trong tiếng Nhật có thể dùng để chỉ đối tượng, hay giải thích nội dung cho danh từ đi sau.

Trong tiếng Nhật *no* có thể dùng để nối hai danh từ với nhau và danh từ đi trước thì làm định ngữ cho danh từ đi sau, trong khi đó ở tiếng Việt làm định ngữ cho danh từ đi trước có thể là tính từ, động từ và danh từ. Vì vậy, sinh viên Nhật thường viết thừa từ *của* trong những trường hợp sau:

Sai	Đúng
1. Anh em của người Việt.	*1. Anh em người Việt.*
2. Kết quả của chuyến thăm của thủ tướng Việt Nam tại Nhật Bản.	*2. Kết quả chuyến thăm của thủ tướng Việt Nam tại Nhật Bản.*
3. Kinh nghiệm của du lịch Việt Nam	*3. Kinh nghiệm về du lịch Việt Nam.*

Trong tiếng Nhật, danh từ đứng sau các lượng từ khái quát chỉ "phần lớn, hầu hết, tỉ lệ phần trăm"...thường phải dùng từ *no* đứng sau lượng từ. Tuy nhiên trong tiếng Việt, danh từ có thể kết hợp trực tiếp với các lượng từ trên. Sinh viên Nhật cũng hay viết thừa từ *của*, ví dụ:

** Phần lớn của phương tiện giao thông* (sai) *-> Phần lớn phương tiện giao thông* (đúng)

Bên cạnh đó, sinh viên Nhật cũng cần lưu ý đến những cách sử dụng cụ thể của từ *của* trong tiếng Việt. Trong một số trường hợp *của* có thể được lược bỏ, như trường hợp chỉ quan hệ họ hàng thân thuộc của con người, ví dụ: *bố tôi, mẹ tôi, ông tôi, bạn tôi*, v.v.; hoặc trường hợp là quan hệ sở hữu những vật gì đó rất gần gũi, gắn bó lâu dài hoặc mãi mãi, ví dụ: *quê tôi, làng tôi, nhà tôi, đất nước tôi,* v.v.; hoặc trường hợp là quan hệ bộ phận-tổng thể như: *chân tôi, tay tôi, chân bàn, bánh xe,* v.v. Những trường hợp trên không dùng *của* thì tự nhiên hơn. Tuy nhiên, nếu có định ngữ đi kèm thì phải dùng *của*. Ví dụ:

Không nói	Phải nói là
Nhà mới tôi	*Nhà mới của tôi*
Bạn người Nhật tôi	*Bạn người Nhật của tôi*
Phòng riêng tôi	*Phòng riêng của tôi*
Phương pháp học tập tôi	*Phương pháp học tập của tôi*

Theo Nguyễn Anh Quế, nếu danh từ trung tâm được cấu tạo bằng các danh từ trống nghĩa (*nỗi, niềm, cơn, trận,* v.v.) và động, tính từ thì phải dùng *của*. Ví dụ:

Không nói	Phải nói là
Niềm vui tôi	*Niềm vui của tôi*
Nỗi buồn chị ấy	*Nỗi buồn của chị ấy*
Cơn giận ông ấy	*Cơn giận của ông ấy*

Theo Nguyễn Thiện Nam, nếu danh từ đi trước là danh từ riêng thì cũng phải dùng *của*. Ví dụ: *Việt Nam tôi* mà phải nói *Việt Nam của tôi.* Vì vậy, những câu sau là câu sai vì dùng thiếu *của*:

Đúng	Sai
Con mèo em rất thích ngủ.	*Con mèo <u>của</u> em rất thích ngủ*
Áo dài là trang phục truyền thống Việt Nam	*Áo dài là trang phục truyền thống <u>của</u> Việt Nam*
Cách làm anh ấy.	*Cách làm của anh ấy*
Tôi vay tiền từ bạn	*Tôi vay tiền của bạn*
Tôi mượn sách từ bạn	*Tôi mượn sách của bạn*

Ở đây, sinh viên đã mắc lỗi giao thoa khi dịch những động từ và giới từ tương ứng trong tiếng Nhật sang tiếng Việt. Trong tiếng Nhật, các động từ như *vay, mượn, xin, lấy, mua, cướp, đoạt, chiếm*...thường dùng với giới từ *"kara"* (từ). Trong khi đó, tiếng Việt dùng với giới từ *"của"*. Đây là một ví dụ điển hình của lỗi giao thoa.

4. Kết luận

Qua những phân tích trên, bài viết đã khảo sát những lỗi giao thoa quen thuộc của sinh viên Nhật khi mới học tiếng Việt. Chúng ta có thể thấy được ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ đối với việc học tiếng Việt của người Nhật. Người học có quốc tịch khác nhau sẽ gặp những khó khăn khác nhau khi học tiếng Việt. Khó khăn nhiều hay ít tuỳ vào đặc điểm của tiếng mẹ đẻ của họ khác với tiếng Việt nhiều hay ít. Điểm tương đồng nhiều thì có thể gặp nhiều thuận lợi, điểm khác biệt nhiều thì có thể gặp nhiều khó khăn hơn, mắc nhiều lỗi sai hơn... Tuy nhiên, vấn đề giao thoa ngôn ngữ là không thể tránh khỏi khi học tiếng. Việc ý thức được sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ sẽ giúp người học hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của giao thoa ngôn ngữ, qua đó, cải thiện phần nào khả năng sử dụng ngoại ngữ. Để làm được điều đó thì người học phải ý thức được những nét khác biệt trong cách diễn đạt của hai ngôn ngữ (ví dụ: tiếng Nhật và tiếng Việt) để từ đó, đưa ra các cách sử dụng từ ngữ phù hợp trong ngôn ngữ đích (tiếng Việt) như: cách sử dụng từ Hán Việt, cách sử dụng những từ mang nhiều ý nghĩa ngữ pháp hay những cấu trúc câu trong tiếng Việt,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Lan Anh (2016), "Vấn đề giao thoa trong dịch thuật Pháp-Việt", Tạp chí *Nghiên cứu Nước ngoài*, Tập 32, tr.77-83, ĐHQGHN.
2. Nguyễn Linh Chi (2009), *Lỗi ngôn ngữ của người nước ngoài học tiếng Việt (trên tư liệu lỗi từ vựng, ngữ pháp của người Anh, Mỹ), Lu'n án Tiến sĩ Ngôn ngữ,* Viện Ngôn ngữ học.
3. Nguyễn Mỹ Châu, Yamamoto Rie, Shimizu Masaaki, Tomita Kenji (2011), *Một số lỗi sinh viên Nhật thường hay mắc phải khi viết tiếng Việt*, Kỉ yếu Hội thảo Nghiên cứu và Giảng dạy tiếng Việt lần thứ nhất, Nxb ĐHQG TP Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thiện Nam (2001), *Khảo sát lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài và những vấn đề liên quan*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, ĐHKHXH&NV-ĐHQG Hà Nội.
5. Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại,* Nxb KHXH, Hà Nội.
6. Phan Thanh Tâm (2017), *Bàn về lỗi ngữ pháp của học viên nước ngoài học tiếng Việt*, Kỷ yếu Hội thảo Nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt : Những vấn đề lí luận và thực tiễn, Nxb ĐHQG Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Ngọc Thơ (2019) *Về một số lỗi ngữ pháp tiếng Việt điển hình của sinh viên Nhật,* Kỉ yếu Giảng dạy ngoại ngữ, tr.301-311. Đại học Osaka, Nhật Bản.
8. Viện Ngôn ngữ học (2010) (tái bản), *Từ điển tiếng Việt,* Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

Tiếng Anh

9. Corder, S. P. (1967), *The significance of learners' errors*, IRAL, 5, 161-170.
10. 10. Dulay, H.C., & Burt, M.K. (1974), *You can't learn without goofing*, In Rechards, J.C. (ed.), Error Analysis, London, Longman. 95-123.

The interference mistakes of Japanese students when learning Vietnamese at basic level

Abstract: In the process of learning Vietnamese, foreigners surely make mistakes. Japanese students are no exception. They often make interference errors and target language errors. In this article, we present the typical interference mistakes of Japanese students when learning Vietnamese at a basic level. These can be errors in vocabulary, errors in grammar.. Thereby, Japanese students can see the points to note when starting to learn Vietnamese.

Key words: Japanese students; learning Vietnamese; interference errors; vocabulary errors; grammar errors.